

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2024
V/v tranh chấp: “ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Tiến và Ông Trần Sáu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐ-ST ngày 04/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bùi Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ L trình bày:

Chị L và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2005 tại UBND xã A (nay là xã A), huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến khoảng tháng 02 năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, thay đổi tính tình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị L nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi mà có lần còn chửi mắng chị L. Sự việc diễn ra nhiều lần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung. Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng

không ai quan tâm đến đời sống của ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị L yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Diễm M, sinh ngày 03/3/2005; Bùi Diễm Ly K, sinh ngày 15/7/2009; Hiện cháu M đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu K hiện do chị L đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Văn T đã được TAND huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mỹ L. Về hôn nhân: chị L được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Bùi Diễm Ly K, sinh ngày 15/7/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Mỹ L khởi kiện anh Bùi Văn T trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ L và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A (nay là xã A), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/01/2005 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung anh T thường xuyên nhậu nhẹt, thay đổi tính tình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị L và anh T không còn chung sống từ tháng 02/2024 đến nay. Chị L xác định hiện nay không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị L kiên quyết ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện sự thiếu trách nhiệm với gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh T là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: chị L và anh T có 02 con chung tên Bùi Thị Diễm M, sinh ngày 03/3/2005 và Bùi Diễm Ly K, sinh ngày 15/7/2009; Hiện cháu M đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu K đang sống cùng chị L, tình cảm mẹ con gắn bó, quá trình giải quyết vụ án, cháu K có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với chị L nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu K cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Diễm Ly K, sinh ngày 15/7/2009 cho chị Bùi Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000112 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền